|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT VÕ VĂN TẦN****PHÒNG THI :****MÃ SỐ / SBD :****174****MÃ ĐỀ :** | **BÀI** **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****HKI – NĂM HỌC : 2023 - 2024****MÔN: VẬT LÍ 10 (20 câu TN) – BAN KHTN****Thời gian làm bài: 30 phút*****ĐỀ DÀNH CHO CÁC LỚP: BAN TN*** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm bài thi:** | **Chữ ký giám khảo** | **Điểm trừ** (Giám thị ghi rõ lỗi vi phạm) | **Chữ ký giám thị** |
| **Điểm TN:** |  |  |  |
| **Điểm TL:** |

***Lưu ý:*** *Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và* ***tô kín một ô tròn*** *tương ứng với phương án trả lời đúng****.***

 **01**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **05** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **09** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **13** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **17** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

 **02** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **06** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **10** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **14** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **18** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

 **03** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **07**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **11**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **15** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **19** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

 **04** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **08** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **12**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **16** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **20** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

**PHẦN A – TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Chọn biểu thức đúng về lực ma sát trượt ?

 **A.** . **B.** . **C.** **. D.** .

**Câu 2.** Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường SI là

 **A.** kilôgam. **B.** tấn. **C.** miligam. **D.** gam.

**Câu 3.** Theo định luật II Niu-tơn thì

 **A.** độ lớn gia tốc của vật tỉ lệ thuận với lực tác dụng lên vật.

 **B.** gia tốc của vật là một hằng số đối với mỗi vật.

 **C.** khối lượng tỉ lệ nghịch với gia tốc của vật.

 **D.** khối lượng tỉ lệ thuận với lực tác dụng.

**Câu 4.** Biểu thức tính gia tốc là

 **A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 5.** Tầm xa L của vật chuyển động ném ngang từ độ cao h và vận tốc ban đầu  được xác định bằng biểu thức

 **A.** L = xmax = v0$\sqrt{\frac{2h}{g}}.$ **B.** L = xmax = v0$\sqrt{2gh.}$ **C.** L = xmax = v0$\sqrt{\frac{h}{g}}.$ **D.** L = xmax = v0$\frac{h}{2g}.$

**Câu 6.** Trọng lực tác dụng lên vật có

 **A.** điểm đặt bất kỳ trên vật, phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống.

 **B.** điểm đặt tại trọng tâm của vật, phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống.

 **C.** độ lớn luôn thay đổi.

 **D.** điểm đặt tại trọng tâm của vật, phương thẳng đứng, chiều từ dưới lên.

**Câu 7.** Chọn câu ***đúng***, đứng ở trái đất ta sẽ thấy

 **A.** Trái đất đứng yên, mặt trời và mặt trăng quay quanh trái đất.

 **B.** Mặt trời đứng yên, trái đất và mặt trăng quay quanh mặt trời.

 **C.** Mặt trời đứng yên, trái đất quay quanh mặt trời, mặt trăng quay quanh trái đất.

 **D.** Mặt trời và mặt đất đứng yên, mặt trăng quay quanh trái đất.

**Câu 8.** Khi gặp sự cố mất an toàn trong phòng thực hành, học sinh cần

 **A.** tiếp tục làm thí nghiệm.

 **B.** nhờ bạn xử lí sử cố.

 **C.** tự xử lí và không báo với giáo viên.

 **D.** báo cáo ngay với giáo viên trong phòng thực hành.

**Câu 9.** Hình bên biểu diễn sự thay đổi tốc độ của người nhảy dù trước và sau khi mở dù. Ở giai đoạn nào lực cản cân bằng với trọng lực ?

O

A

B

C

 **A.** Giai đoạn OA. **B.** Giai đoạn AC. **C.** Giai đoạn AB. **D.** Giai đoạn BC.

**Câu 10.** Ý nghĩa của biển báo dưới đây là gì?



 **A.** Khu vực được sử dụng lửa. **B.** Khu vực có hóa chất.

 **C.** Khu vực có chất phóng xạ. **D.** Khu vực rửa dụng cụ thí nghiệm.

**Câu 11.** Trường hợp nào sau đây vật **không** thể coi là chất điểm?

 **A.** Ô tô chuyển động từ Bắc vào Nam.

 **B.** Hà Nội trên bản đồ Việt Nam.

 **C.** Học sinh chạy trong lớp.

 **D.** Trái Đất chuyển động quay quanh Mặt Trời.

**Câu 12.** Để đo gia tốc rơi tự do của một vật, dụng cụ cần để đo gồm

 **A.** thước đo, đồng hồ. **B.** thước đo, đồng hồ, ampe kế.

 **C.** đồng hồ. **D.** thước đo.

**Câu 13.** Một vật đang lơ lửng ở trong nước chịu tác dụng của những lực nào?

 **A.** Lực đẩy Archimedes và lực cản của nước.

 **B.** Trọng lực và lực cản của nước.

 **C.** Trọng lực và lực đẩy Archimedes.

 **D.** Lực đẩy Archimedes và lực ma sát.

**Câu 14.** Trong một sự cố giao thông, ôtô tải chạm vào ôtô con đang chạy ngược chiều. Nhận định nào sau là đúng?

 **A.** Lực mà ôtô tải tác dụng lên ôtô con lớn hơn lực mà ôtô con tác dụng lên ôtô tải.

 **B.** Ôtô con nhận được gia tốc lớn hơn ôtô tải.

 **C.** Lực mà ôtô tải tác dụng lên ôtô con nhỏ hơn lực mà ôtô con tác dụng lên ôtô tải.

 **D.** Ôtô tải nhận được gia tốc lớn hơn ôtô con.

**Câu 15.** Đồ thị vận tốc – thời gian của một vật chuyển động được biểu diễn như hình vẽ. Tính gia tốc trong giai đoạn từ t = 0 đến t1 = 20 s.



 **A.** 1 m/s2. **B.** - 1 m/s2. **C.** 2 m/s2. **D.** 0.

**Câu 16.** Một xe tải có khối lượng 5 tấn đang chuyển động trên mặt đường nằm ngang, hệ số ma sát của xe tải với mặt đường là  Lấy  Độ lớn của lực ma sát là

 **A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 17.** Một quả cam có khối lượng 200 g đặt ở nơi có gia tốc rơi tự do là g = 10 m/s2. Trọng lượng của quả cam là

 **A.** 200 N. **B.** 20 N. **C.** 2 N. **D.** 2000 N.

**Câu 18.** Khi đang đi xe đạp trên đường nằm ngang, nếu ta ngừng đạp, xe vẫn đi tiếp chứ chưa dừng ngay. Đó là nhờ

 **A.** trọng lượng của xe. **B.** phản lực của mặt đường.

 **C.** lực ma sát. **D.** quán tính của xe.

**Câu 19.** Các tàu ngầm thường được thiết kế giống với hình dạng của cá heo để

 **A.** tăng thể tích khoang chứa. **B.** đẹp mắt.

 **C.** tiết kiệm chi phí chế tạo. **D.** giảm thiểu lực cản.

**Câu 20.** Xét một vận động viên tập luyện trong một bể bơi có chiều dài bể là 25 m, vận động viên bơi 2 vòng bể và quay lại vị trí cũ. Độ dịch chuyển của vận động viên là

 **A.** 100 m. **B.** 0 m. **C.** 25 m**. D.** 50 m.

***------ HẾT ------***